

huá yǔ dì yī cè dì jiǔ kè
华语第一册第九课A



tīng tīng kàn zài tián rù shēng zì bù jiàn chéng zì
*听听看，再填入生字部件成字。

Listen and assemble each Chinese character.

 1		+		=		一 冗 起 口 天 亮 走 人 和 禾 二 早 日 巳 十	
 2		+		=			
 3		+		=			
 4		+		=			
 5		+		+			=

tīng tīng kàn zài tián tián kàn
*听听看，再填填看 ◦ Listen and drag the corresponding words into the blank.



【 】 !
 我 【 】 了 !
 爸爸媽媽 【 】 !

早 起来
天亮了